

Kinh tế Việt Nam: bối cảnh chung và đánh giá triển vọng*

TRẦN ĐÌNH THIÊN

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn chứa đựng nhiều cơ hội và thách thức lớn và bất thường. Bài viết này luận giải nguyên nhân của sự “khác thường” này - không chỉ ở tác động của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc với tư cách là yếu tố đang thúc đẩy mạnh mẽ sự di chuyển các chuỗi sản xuất, di chuyển vốn đầu tư khỏi Trung Quốc – mà chủ yếu là từ triển vọng phát triển kinh tế của Việt Nam bắt nguồn từ những cải cách cơ cấu bên trong, từ những thành công trong nỗ lực hội nhập kinh tế quốc tế. Bài viết còn chỉ ra những thách thức, những nguy cơ lớn, tiềm chứa trong bối cảnh phát triển đầy cơ hội tiến lên mà Việt Nam đang có. Việc phân tích các kinh nghiệm và bài học mà Việt Nam phải trả cho việc không tận dụng tốt thời cơ phát triển trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế vừa qua cung cấp thêm luận cứ để đánh giá chính xác hơn tình thế và triển vọng phát triển của nền kinh tế năm tới.

Từ khóa: bối cảnh, động thái, đầu tư nước ngoài, dự báo kinh tế Việt Nam.

Mở đầu

Khác với các giai đoạn trước đây, nền kinh tế Việt Nam đang chứa đựng nhiều cơ hội và thách thức lớn. Việc khôi phục và duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao, sự ổn định vĩ mô khá vững chắc trong mấy năm gần đây, trong bối cảnh kinh tế thế giới nhìn chung đang trong xu thế bất ổn và suy giảm tăng trưởng dưới tác động của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc – hai cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới, cũng là hai đối tác thương mại quan trọng nhất của Việt Nam, đã làm cho Việt Nam trở thành một “điểm sáng” nổi bật và đáng tin cậy, một tọa độ có sức hấp dẫn đầu tư lớn. Trong bối cảnh như vậy, việc đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam hiện nay và triển vọng

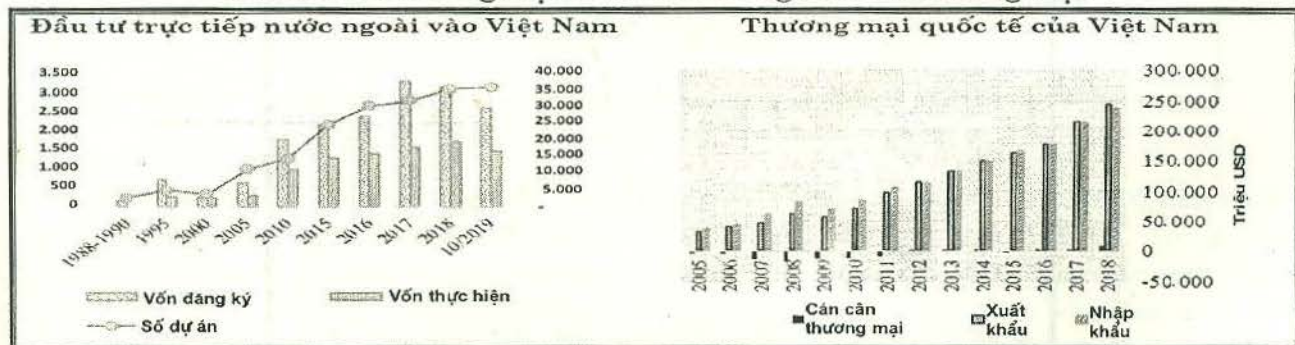
của năm tới đóng vai trò quan trọng cho những phản ứng chính sách.

1. Bối cảnh chung

Tháng 1-2007, Việt Nam gia nhập WTO, mở ra những cơ hội phát triển to lớn cho nền kinh tế. Thương mại và đầu tư nước ngoài bùng nổ mở ra khả năng nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, Việt Nam có thể nhanh chóng rút ngắn khoảng cách “tụt hậu” với các nền kinh tế đi trước trong khu vực.

Trên thực tế, trong nhiều năm, Việt Nam được coi là “success stories in attracting FDI” và duy trì được tốc độ tăng trưởng thương mại cao (hình 1), tạo thành hai động lực tăng trưởng quan trọng bậc nhất của nền kinh tế Việt Nam mở cửa.

HÌNH 1: Xu hướng mạnh lên của dòng FDI và thương mại



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

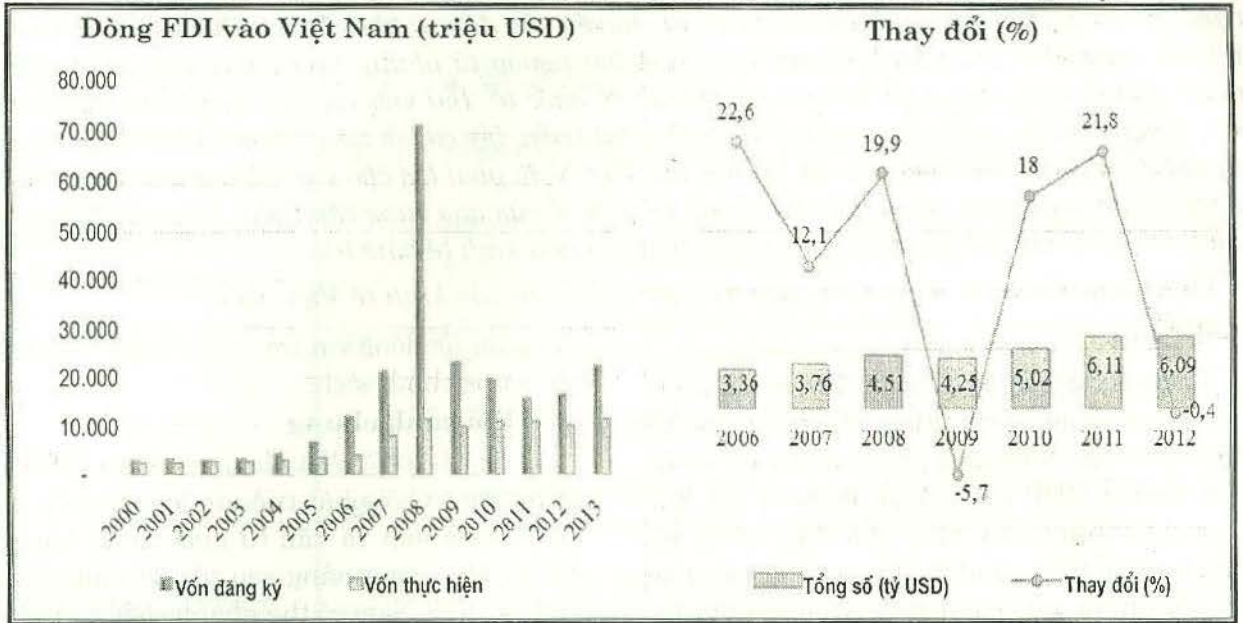
Trần Đình Thiên, PGS.TS., Viện Kinh tế Việt Nam.

* Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài NAFOSTED “Tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2020 hướng tới phát triển bền vững”.

Tuy nhiên, còn một thực tế khác là sự tăng giảm đột biến của dòng FDI và xuất nhập khẩu (hình 2) đã làm cho việc kiểm soát ổn định vĩ mô trở nên khó khăn, nền kinh tế lâm vào tình trạng bất ổn kéo dài và suy giảm tốc độ tăng trưởng. Nguyên nhân là Việt Nam đã không chuẩn bị tốt các năng lực hội nhập (hạ

tầng, nhân lực, quản trị và điều hành vĩ mô) để chuyển hóa các cơ hội mà hội nhập mang lại thành lợi ích phát triển hiện thực. Ngược lại, trong điều kiện nền kinh tế mở cửa nhanh, sự yếu kém năng lực nội tại đã biến các cơ hội có được thành áp lực và thách thức phát triển khó vượt qua.

HÌNH 2: Xu hướng tăng trưởng “bất thường” của FDI và thương mại

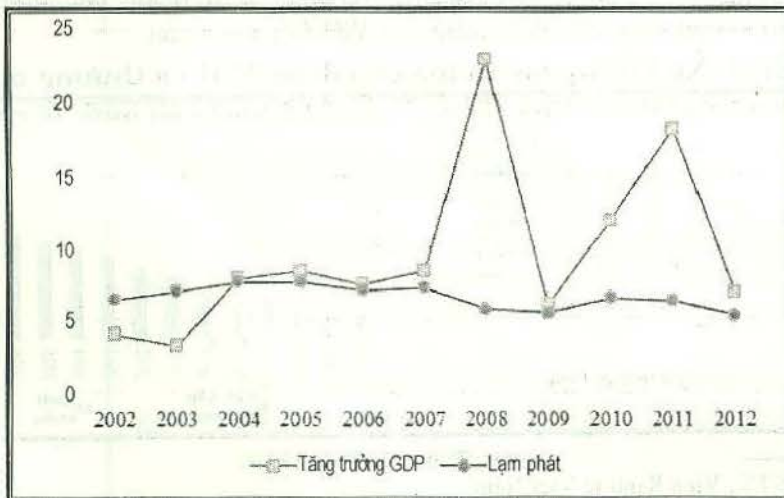


Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Hình 3 cho thấy kinh tế Việt Nam nhanh chóng rơi vào bất ổn kéo dài, lạm phát tăng cao bất thường, tốc độ tăng

trưởng GDP giảm, theo đúng nhịp tăng trưởng “đột biến” của FDI và xuất - nhập khẩu.

HÌNH 3: Tăng trưởng GDP và lạm phát, 2002 - 2012 (%)



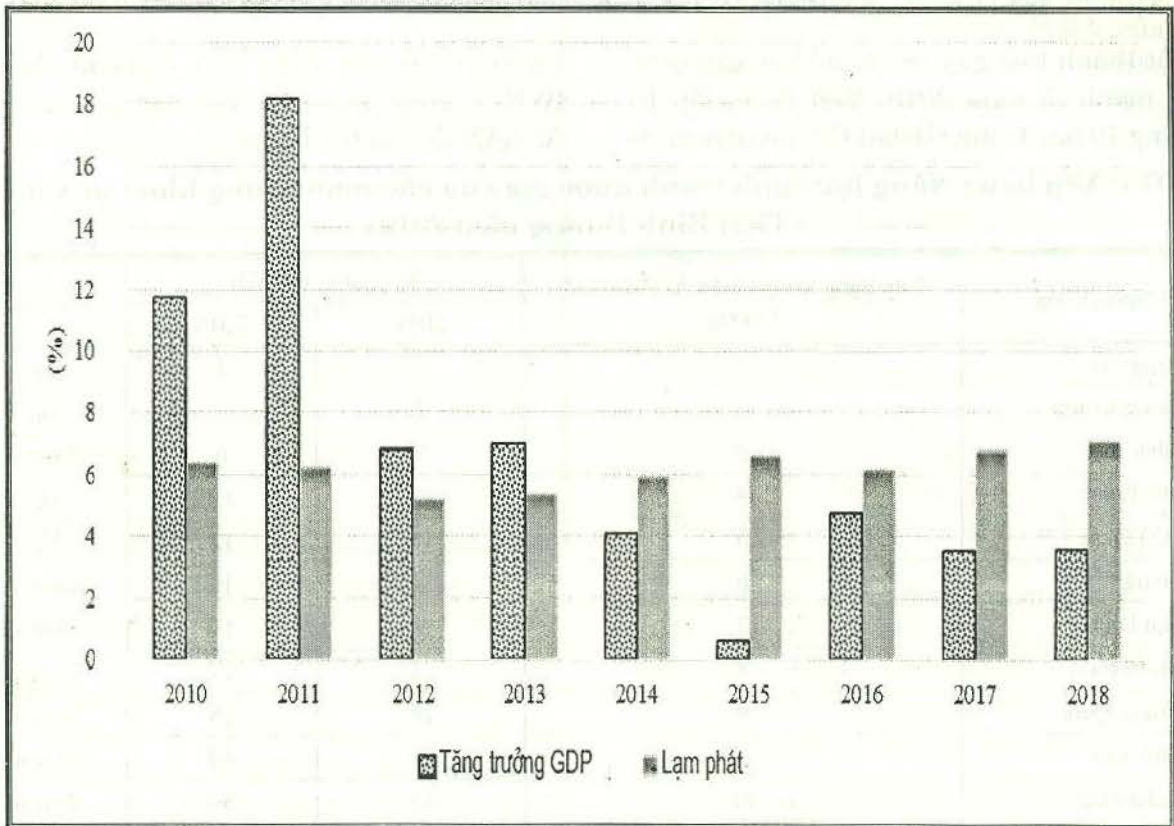
Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Niên giám Thống kê hàng năm.

Việc nền kinh tế lâm vào tình trạng khó khăn ngay sau khi gia nhập WTO thực sự là điều bất thường. Ít ai tin rằng việc gia nhập WTO lại dẫn đến tình huống phát triển ngược với kỳ vọng và dự đoán. Việt Nam đã không tận dụng tốt thời cơ hội nhập để tiến nhanh về phía trước, thu hẹp khoảng cách tụt hậu so với các nền kinh tế đi trước trong khu vực, điều mà Trung Quốc đã làm được rất tốt khi gia nhập WTO trước Việt Nam 5 năm.

Từ năm 2011, Việt Nam triển khai kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mô hình

tăng trưởng, tập trung vào ba trọng điểm: đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống các ngân hàng thương mại. Đây thực chất là những cải cách thị trường được khởi động lại trong điều kiện mới, với mục tiêu là thay đổi hệ thống phân bổ nguồn lực, khôi phục, ổn định vĩ mô và nâng cao tốc độ tăng trưởng. Tuy nhiên, quá trình này gặp nhiều khó khăn và tiến triển chậm. Nền kinh tế tiếp tục bất ổn, tốc độ tăng trưởng GDP giảm thấp, xuống mức “đáy” vào năm 2012 và cho đến năm 2016, vẫn chưa khôi phục mức của năm 2010 (hình 4)

HÌNH 4: Tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2018 (%)



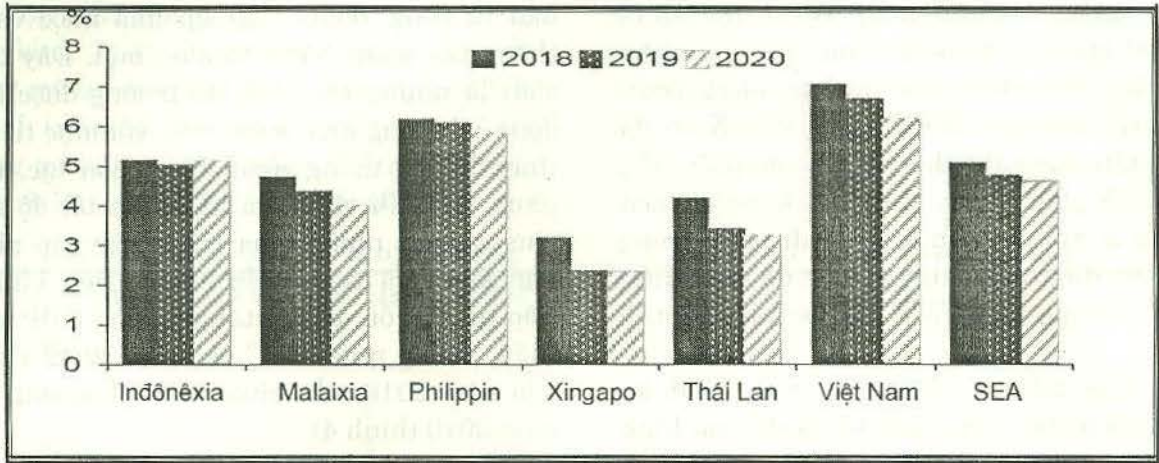
Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Niên giám Thống kê hàng năm.

Từ năm 2017, nền kinh tế mới bắt đầu được cải thiện; trong suốt 3 năm tiếp theo, 2017-2019, nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn, CPI được kiểm soát tốt và giữ ổn định ở mức thấp (dưới 4%/năm).

Cần lưu ý rằng, 2 năm 2018-2019 cũng là quãng thời gian diễn ra chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, khi xu hướng suy giảm tăng

trưởng và bất ổn bao trùm toàn bộ nền kinh tế thế giới và khu vực ASEAN. Trong bối cảnh khó khăn đó, Việt Nam vẫn giữ được mức tăng trưởng GDP cao và kiểm soát tốt ổn định vĩ mô, thậm chí, thành tích của Việt Nam còn vượt hẳn lên so với các nền kinh tế ASEAN khác và được dự báo là sẽ tiếp tục duy trì trong năm 2020 (hình 5).

HÌNH 5: Tăng trưởng GDP của một số nền kinh tế ASEAN



Nguồn: Oxford Economics/Haver Analytics.

Một thành tích gây bất ngờ khác cần được nhấn mạnh là năm 2019, Việt Nam lập kỷ lục tăng 10 bậc trong Global Competitiveness

Index (GCI) của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) trong khi hầu hết các nền kinh tế ASEAN đều bị tụt hạng.

BẢNG 1: Xếp hạng Năng lực cạnh tranh quốc gia của các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2019

Nước/Vùng	Xếp hạng trong Châu Á-Thái Bình Dương	Xếp hạng thế giới		Thay đổi
		2018	2019	
Xingapo	1	2	1	Up
Hồng Kông	2	7	3	Up
Nhật Bản	3	5	6	Down
Đài Loan	4	13	12	Up
Hàn Quốc	5	15	13	Up
Ôxtrâylia	6	14	16	Down
Niu Dilân	7	18	19	Down
Malaixia	8	25	27	Down
Trung Quốc	9	28	28	Down
Thái Lan	10	38	40	Down
Indônêxia	11	45	50	Down
Brunây	12	62	56	Up
Philippin	13	56	64	Down
Việt Nam	14	77	67	Up
Ấn Độ	15	58	68	Down

Nguồn: World Economic Forum, 2019.

Song hành với nỗ lực đẩy mạnh hội nhập quốc tế, ký kết các FTA thế hệ mới, trong những năm gần đây, Việt Nam đang tích cực

cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đây là điều cần được ghi nhận.

2. Động thái của nền kinh tế Việt Nam năm 2019

Để có những đánh giá xác thực tình hình kinh tế đang biến động rất nhanh, cần nhìn sâu vào động thái của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2019. Các số liệu mới nhất về kinh tế Việt Nam cho thấy xu hướng tích cực tiếp tục được củng cố (bảng 2).

BẢNG 2: Kết quả kinh tế 9 tháng đầu năm 2019 của Việt Nam*

Các chỉ tiêu tăng trưởng	Đơn vị %
GDP	6,98
CPI	2,48
FDI	
- Số dự án	26,4
- Số vốn đăng ký	- 19,9
- Số vốn thực hiện	7,3
- Vốn bổ sung, vốn góp và vốn mua cổ phần	82,3
Ngoại thương	
- Xuất khẩu	8,2
- Nhập khẩu	8,9
Phát triển doanh nghiệp	
- Doanh nghiệp mới đăng ký thành lập	5,9
- Số vốn đăng ký thành lập	34,0
- Số vốn bình quân một doanh nghiệp	26,6
- Việc làm mới tạo ra	13,4
Khách du lịch nước ngoài	10,8

* Ghi chú: So với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: Tổng cục Thống kê, số liệu Kinh tế Việt Nam 9 tháng đầu năm 2019.

Đây dường như là một bằng chứng thành tích “bất thường” trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bất ổn và có chiều hướng suy giảm tăng trưởng mạnh dưới tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc. Lý do là, Việt Nam là nền kinh tế có quy mô nhỏ hơn, năng lực yếu hơn hẳn Mỹ và Trung Quốc nhưng lại có độ mở của kinh tế lớn hơn, trong khi đây là hai đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Xung đột giữa hai đối tác thương mại lớn nhất này đặt nền kinh tế Việt Nam vào thế “lưỡng nan”, có khả năng chịu tác động tiêu cực mạnh và bị tổn thương, nhưng Việt Nam đã và đang nỗ lực

chống lại các tác động tiêu cực của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc một cách có kết quả.

Các số liệu ở bảng 2 cho thấy: trong 9 tháng đầu năm 2019, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong vòng 9 năm; đồng thời, CPI được kiểm chế, đạt mức thấp nhất trong vòng 3 năm gần đây. Kết quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài cũng có những động thái mới. Số dự án FDI tăng mạnh (26,4%), song quy mô vốn của mỗi dự án lại nhỏ đi, chỉ bằng 40% quy mô dự án FDI năm 2017. Trong xu thế ngược lại, dòng FII đổ vào Việt Nam năm 2019 lại tăng đột biến, đạt mức kỷ lục 82% so cùng kỳ năm 2018. Thị trường M&A của Việt Nam đang thực sự khởi sắc và có dấu hiệu bùng nổ. Xu thế bất thường này có liên hệ chặt chẽ với sự gia tăng đột biến vốn đầu tư “quốc tịch Trung Quốc” vào Việt Nam kể từ khi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung bùng nổ.

Trong 10 tháng đầu năm 2019, đã có 107 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Hồng Kông (Trung Quốc) dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 6,45 tỷ USD. Hàn Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 5,52 tỷ USD, chiếm 19% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Xingapo đứng vị trí thứ 3; tiếp theo là Trung Quốc, Nhật Bản... Trong đó, đầu tư từ Trung Quốc, Hồng Kông có xu hướng tăng so với cùng kỳ do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung-Quốc. Cụ thể: đầu tư từ Trung Quốc tăng gần 2 lần, từ Hồng Kông tăng 3,94 lần so cùng kỳ năm 2018.

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Một số lượng lớn dự án quy mô nhỏ đổ vào gây ra lo ngại chính đáng về đẳng cấp công nghệ và tác động môi trường lên nền kinh tế. Nó cũng chứa đựng nguy cơ gia tăng lượng hàng hóa Trung Quốc “theo dòng đầu tư” đổ vào Việt Nam để “thay đổi xuất xứ” trước khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

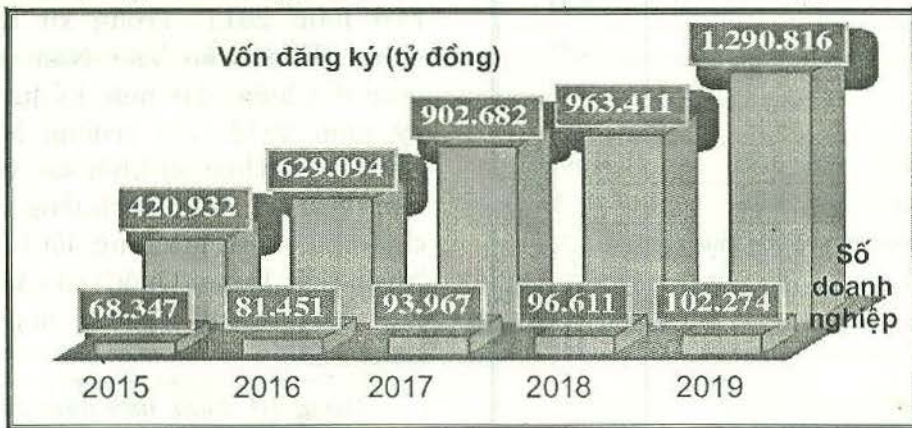
Trong bối cảnh thương mại thế giới “trầm lắng”, tăng trưởng xuất nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2019 của Việt Nam vẫn

được duy trì ở mức khá cao, tiếp tục đóng vai trò là động lực tăng trưởng mạnh của nền kinh tế. Tuy nhiên, sự thay đổi cơ cấu tăng trưởng thương mại lại mang tính cảnh báo: nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 16,1%, làm cho nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc tăng 47,9% so với cùng kỳ năm 2018, trong khi đó, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ cũng tăng mạnh 26,6%; điều này khiến Việt Nam đứng trước nguy cơ bị chính quyền của Tổng thống Donald Trump

đưa vào danh sách trừng phạt do hành vi “gian lận xuất xứ thương mại” (xuất khẩu hộ hàng Trung Quốc sang thị trường Mỹ).

Sự phát triển doanh nghiệp của Việt Nam gần đây cũng rất ấn tượng. Cả 3 chỉ số tăng trưởng: số lượng doanh nghiệp, quy mô vốn và tạo việc làm mới trong 10 tháng đầu năm 2019 đều rất tích cực. Điều này chứng tỏ lòng tin của doanh nghiệp Việt Nam được khôi phục mạnh mẽ ngay cả khi kinh tế thế giới đang chao đảo.

HÌNH 6: Doanh nghiệp thành lập trong 9 tháng đầu năm 2019 trong giai đoạn 2015-2019



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Việc giải thích rõ thực chất của xu thế “ngược dòng” của kinh tế Việt Nam trong thời gian qua sẽ giúp nhận diện chính xác triển vọng của kinh tế Việt Nam, đánh giá đúng năng lực thực của nó trong thế giới bất ổn hiện nay. Có cơ sở để nói rằng việc Việt Nam cải thiện được tốc độ tăng trưởng và xu thế ổn định, ngày càng hấp dẫn đầu tư nước ngoài không đơn giản chỉ là nhờ “hưởng lợi” từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc. Sức hấp dẫn đó có nguồn gốc từ những thay đổi cơ cấu căn bản của bản thân nền kinh tế, đã diễn ra, từ trước khi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc nổ ra khá lâu. Liên tục trong nhiều năm, Việt Nam đã nỗ lực cải cách mạnh mẽ trên cả hai tuyến: thể chế bên trong và mở cửa, hội nhập với bên ngoài, qua đó, xác lập nền tảng mới cho tăng trưởng và phát triển. Một số cải cách chính mà Việt Nam đã đạt được thành công là:

(i) Đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển với hai định hướng chính: coi trọng khu vực tư nhân; dựa trên nền tảng ổn định vĩ mô vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng cao.

(ii) Tích cực tham gia các FTA thế hệ mới (điển hình là CP-TPP và EVFTA), nhờ đó, tạo lợi thế chiến lược so với các nền kinh tế khác trong khu vực.

(iii) Thực hiện chiến lược FDI mới, với định hướng ưu tiên thu hút công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng cao và liên kết chuỗi – mạng sản xuất toàn cầu.

(iv) Khuyến khích hoạt động khởi nghiệp – sáng tạo.

(v) Cải cách Chính phủ theo tinh thần xây dựng “developmental government”.

Những cải cách nêu trên thể hiện rõ khát vọng và giải pháp phát triển một nền kinh tế có khả năng chống chịu rủi ro, vươn lên phát triển cao và nhanh chóng thu hẹp khoảng

cách tụt hậu của Việt Nam với các nước đi trước. Tuy kết quả đạt được cho đến nay còn chưa nhiều, song những cải cách đó thể hiện rõ định hướng tới những thay đổi cơ cấu căn bản, giúp cải thiện tình hình một cách vững chắc.

Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, với sự khốc liệt và tác động tiêu cực mạnh mẽ của nó, đang đóng vai trò là phép

thủ cho nỗ lực cải cách của Việt Nam. Phép thủ đó, như thực tế cho thấy, đang mang lại kết quả “dương”.

3. Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

Việt Nam là một địa chỉ có sức hấp dẫn đầu tư nước ngoài ngày càng mạnh. Đó là kết quả của nỗ lực cải cách môi trường đầu tư trong nước và tích cực mở cửa hội nhập với thế giới.

Theo xếp hạng của US News và World Report về các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư, Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ từ vị trí 23 năm ngoái (năm 2018) lên vị trí thứ 8 năm nay.

US News và World Report đánh giá rằng, những cải cách chính sách kinh tế từ năm 1986 đã giúp Việt Nam trở thành một quốc gia cạnh tranh và hiện đại hơn. Việt Nam cũng đang ngày càng trở nên hội nhập hơn khi trở thành thành viên của WTO năm 2007, Liên hợp quốc cũng như tham gia vào ASEAN, APEC cùng các hiệp định thương mại lớn.

Sức hấp dẫn để đầu tư vào là yếu tố Việt Nam dành được xếp hạng cao nhất trong các đánh giá của US News và World Report.

Về xếp hạng chung, Việt Nam đứng thứ 39 trong danh sách các quốc gia tốt nhất thế giới năm 2019, tăng từ vị trí 44 của năm 2018. Trong đó, tiêu chí mở cửa kinh doanh (Open for business) đạt điểm cao nhất nhờ đóng góp của yếu tố chi phí sản xuất rẻ.

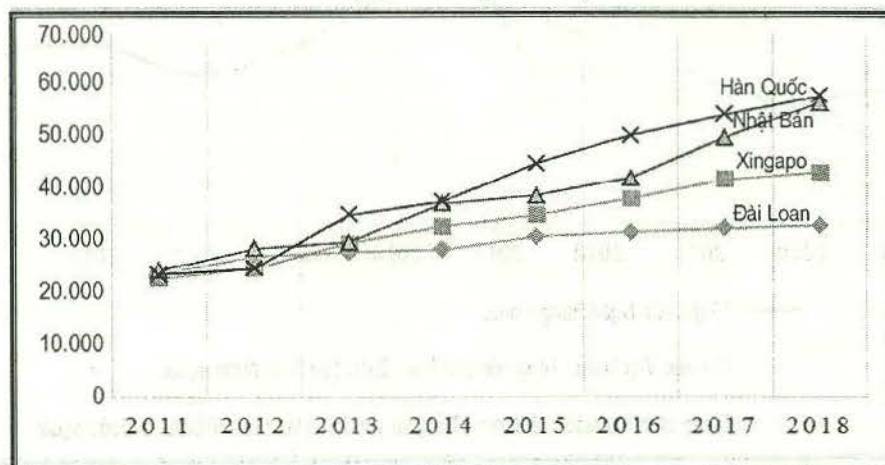
Xếp hạng dựa trên ý kiến của 7.000 lãnh đạo công ty trên toàn cầu, đánh giá theo 8 tiêu chí, bao gồm: tinh thần khởi nghiệp, sự ổn định kinh tế, chính sách thuế thuận lợi, sự sáng tạo, lao động có tay nghề, chuyên môn về công nghệ, sự năng động và vấn đề tham nhũng. Các tiêu chí này được xây dựng dựa trên một báo cáo năm 2011 của WB, trong đó nhấn mạnh 4 yếu tố để một quốc gia trở thành địa điểm đầu tư tốt là con người, môi trường, các mối quan hệ và khung pháp lý.

Nguồn: US News và World Report 2019.

Xu thế nói trên được phản ánh rõ nhất bằng dòng đầu tư vào Việt Nam từ các nền kinh tế Đông Á như Hàn Quốc, Nhật Bản,

Xingapo và Đài Loan - liên tục tăng trong nhiều năm trước khi nổ ra chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc (hình 7).

HÌNH 7: Xu hướng tăng vốn của các đối tác đầu tư chính vào Việt Nam (DVT: triệu USD)



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và đầu tư.

Xu hướng gia tăng đầu tư vào Việt Nam đối với những nền kinh tế “có thâm niên” đầu tư vào Việt Nam này

vẫn tiếp tục được duy trì trong thời gian xảy ra chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

BẢNG 3: Vốn đầu tư mới vào Việt Nam của các đối tác chính (tỷ USD)

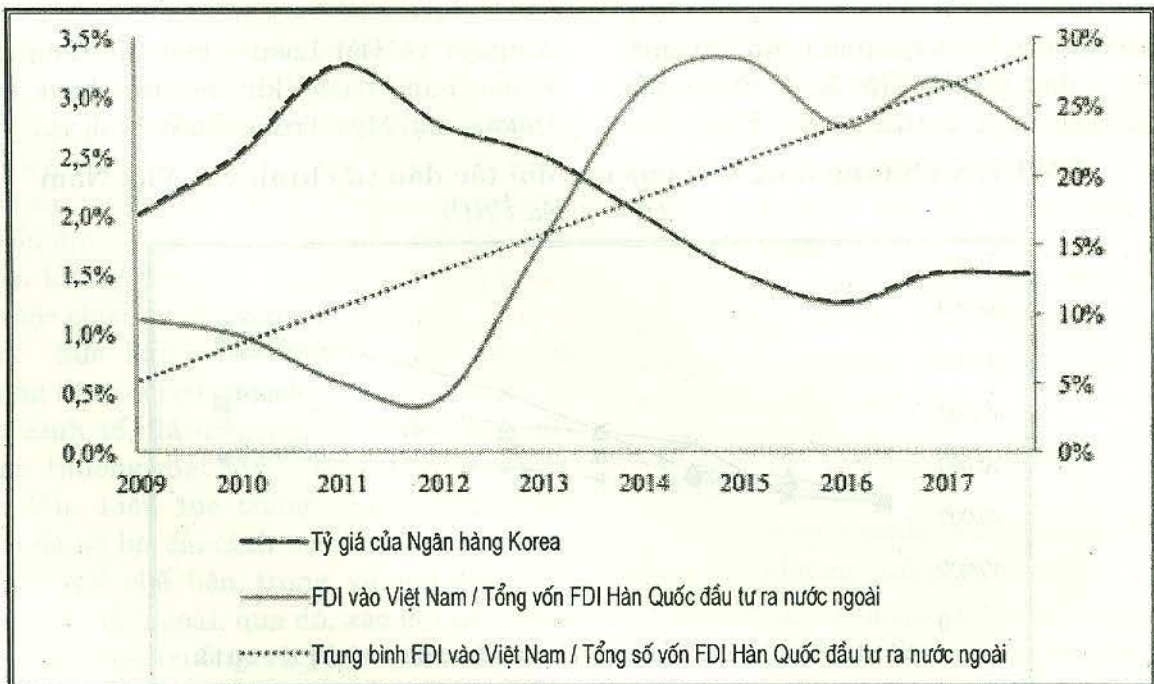
Quốc gia	Năm 2018	9 tháng đầu năm 2019
Hàn Quốc	3.657,6	2.095,8
Trung Quốc	1.217,1	2.023,8
Nhật Bản	6.592,1	1.582,3
Xingapo	1.423,6	1.465,0
Hồng Kông (Trung Quốc)	1.128,9	1.251,4
Thái Lan	898,6	441,4
Các đối tác khác	3.058,3	2.113,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam xét trên mọi chỉ số: số dự án, số vốn đầu tư, mức độ bao phủ đầu tư (ngành và địa phương), đặc biệt là số lượng các tập đoàn lớn tham gia đầu tư. Năm 2019, Trung Quốc (bao gồm Hồng Kông) đã vươn lên thành nước đầu tư lớn

nhất vào Việt Nam của năm. Tuy nhiên, tính lũy kế đến tháng 2-2019, trong số 130 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, thì Hàn Quốc đứng đầu với tổng vốn đăng ký 63,7 tỷ USD, chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư.

HÌNH 8: Xu hướng tăng vốn đầu tư của Hàn Quốc và Việt Nam

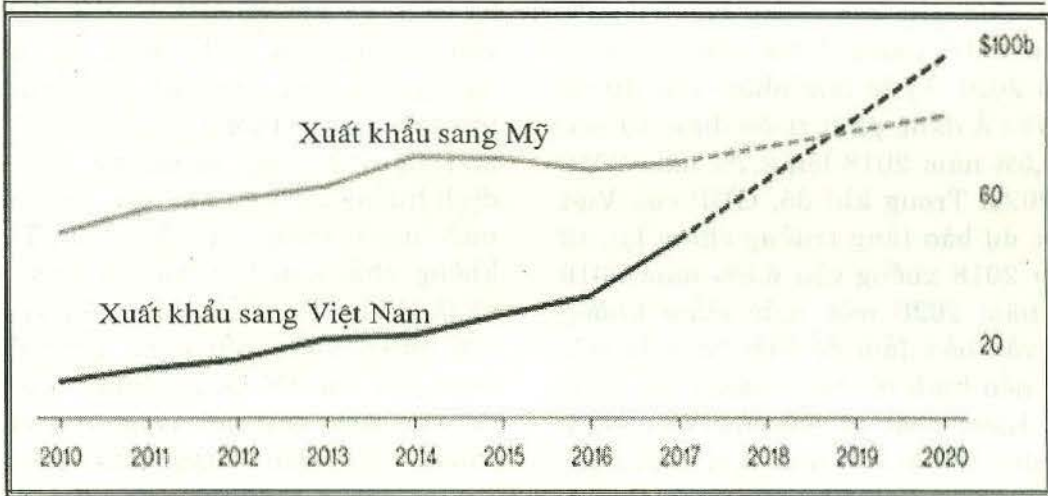


Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Sau khi Hàn Quốc và Việt Nam ký FTA vào năm 2015, được thúc đẩy bởi tốc độ tăng trưởng đầu tư cao, khối lượng thương mại giữa hai nước đã tăng gần 50%. Hàn Quốc đã vươn lên vượt Mỹ để trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam, chỉ đứng sau Trung Quốc. Năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của hai nước đạt 68,2 tỷ USD. Hai nước đang đặt mục tiêu đạt kim ngạch

thương mại song phương 100 tỷ USD vào năm 2020 – một mục tiêu thực sự khó khăn khi thời hạn chỉ còn một năm. Song, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc dường như đang đóng vai trò thúc đẩy mạnh mẽ cho việc thực hiện mục tiêu này. Hiện nay, kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc sang Việt Nam đã vượt kim ngạch xuất khẩu từ Hàn Quốc sang Mỹ (hình 9).

HÌNH 9: Xu hướng xuất khẩu của Hàn Quốc sang Mỹ và sang Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc đang đẩy các doanh nghiệp Hàn Quốc rời khỏi Trung Quốc và Việt Nam được coi là địa chỉ, đích đến được đa số nhà đầu tư Hàn Quốc lựa chọn.

4. Dự báo Kinh tế Việt Nam năm 2020

Việc đưa ra những dự báo dài hạn, thậm chí trung hạn, trong bối cảnh biến động khó lường của nền kinh tế - chính trị thế giới thực sự là điều mạo hiểm. Mức độ rủi ro của dự báo là rất cao, cả từ góc độ công nghệ lẫn góc độ địa kinh tế - chính trị. Tuy nhiên, đối với kinh tế Việt Nam, việc dự báo ngắn hạn dựa trên những cơ sở bảo đảm tính thuyết phục khá cao.

WB, IMF hay ADB đã đưa ra dự báo về triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2020. Những dự báo này, tuy có khác nhau ít nhiều về mức độ, song đều thống nhất về xu hướng

cơ bản: kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục gặp khó khăn, thậm chí có thể còn suy giảm và bất ổn hơn trong vài năm tới, nhưng triển vọng kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá tích cực, với hai điểm được nhấn mạnh:

Thứ nhất, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP cao và giữ vững ổn định vĩ mô trong tương quan so sánh với đa số các nền kinh tế khác trên thế giới.

Thứ hai, tốc độ tăng trưởng GDP có giảm và lạm phát có tăng so với năm 2017-2018, song không nhiều. Lập luận chủ yếu mà Ngân hàng Thế giới đưa ra là: cỗ xe kinh tế Việt Nam không thể một mình đi nhanh trong một thế giới bất ổn và suy thoái.

Các con số dưới đây là dự báo của Ngân hàng Thế giới đưa ra trong cuốn "Taking Stock: Recent Economic Developments of Vietnam" công bố tháng 7-2019.

Các chỉ số kinh tế chọn lọc	2017	2018	2019	2020	2021
Tăng trưởng GDP (%)	6,8	7,1	6,6	6,5	6,5
CPI (trung bình hàng năm %)	3,5	3,5	3,7	3,8	3,8

ADB cũng dự báo xu hướng tương tự trong “Asian Development Outlook 2019 Update: Fostering Growth and Inclusion in Asia’s Cities” (9-2019).

Theo ADO (Asian Development Outlook), tổng sản phẩm nội địa của Châu Á đang phát triển được dự báo chậm lại, từ 5,9% trong năm 2018 xuống 5,4% năm 2019 và 5,5% năm 2020. Tỷ lệ lạm phát tính chung cho cả Châu Á đang phát triển được dự báo tăng từ 2,5% năm 2018 lên 2,7% năm 2019 và năm 2020. Trong khi đó, GDP của Việt Nam được dự báo tăng trưởng chậm lại, từ 7,1% năm 2018 xuống còn 6,8% năm 2019 và 6,7% năm 2020 một mức giảm không nhiều và vẫn bảo đảm để Việt Nam là một trong các nền kinh tế tăng trưởng cao nhất khu vực. Kiểm soát vĩ mô của Việt Nam vẫn được duy trì tốt, với mức lạm phát được dự báo giảm từ mức 4,2% năm 2018 xuống 3,4% năm 2019 và 2020 (ADB, 2019).

Theo các dự báo trên, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam trong một vài năm tới là sáng sủa. Việc tăng cường các nỗ lực cải cách và mở cửa – hội nhập, thể hiện rõ nhất qua việc thúc đẩy triển khai chiến lược thu hút FDI mới và tích cực thực thi các FTAs càng làm tăng tính hiện thực của xu hướng nói trên. Trong số các yếu tố tạo thành lợi thế thu hút đầu tư nước ngoài to lớn và khác biệt của Việt Nam, vẫn nổi bật “lợi thế dân số vàng” (thị trường 100 triệu dân, có sức tăng trưởng thu nhập cao) và lợi thế là “trung tâm thương mại và đầu tư”. Việc Việt Nam tham gia 16 FTAs, với phạm vi bao phủ hầu khắp các thị trường lớn nhất thế giới, tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng thị trường và xây dựng các mối liên kết kinh doanh trên thế giới. Việt Nam có 5 nhóm ngành/lĩnh vực có tiềm năng phát triển lớn trong tương lai: (i) những

ngành có lợi thế so sánh truyền thống như dệt may, da giày, điện tử, nông sản và thủy sản; (ii) du lịch, giải trí, giáo dục, y tế, dược, phân phối bán lẻ phục vụ người tiêu dùng; (iii) lĩnh vực kết nối, mạng hỗ trợ, chuỗi giá trị sản xuất, logistics; (iv) kết cấu hạ tầng và bất động sản gồm BDS nhà ở, văn phòng, du lịch, bán lẻ, khu công nghiệp; (v) lĩnh vực kinh tế nền tảng, kinh tế xanh, đô thị thông minh, fintech, thương mại điện tử... đây là những lĩnh vực được định hướng ưu tiên mời gọi, thu hút đầu tư nước ngoài trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, không phải mọi thứ đối với Việt Nam đều sẽ là thuận lợi. Bản thân nền kinh tế vẫn còn nhiều điểm yếu kém, tác nghẽn chưa được giải tỏa. Đó là: (i) thiếu cơ sở hạ tầng; (ii) cải cách khu vực công vẫn chưa hoàn thiện; (iii) chất lượng nhân lực thấp, xu hướng tăng lương mạnh; (iv) lực lượng doanh nghiệp nội địa còn yếu, thiếu cơ chế liên kết hiệu quả với khu vực FDI.

Trong quan hệ đối ngoại, tình trạng phụ thuộc mạnh vào thị trường Trung Quốc và nguy cơ bị lợi để gian lận thương mại, dẫn tới chỗ bị Mỹ trừng phạt, trong bối cảnh các xung đột thương mại toàn cầu, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn chưa được kiểm chế, là điều được cảnh báo. Thêm vào đó, mặc dù cho đến nay, Việt Nam vẫn kiểm soát tốt tỷ giá thì tình thế bị “kẹp” giữa hai đối tác thương mại hàng đầu về nhập khẩu và xuất khẩu lại đặt đồng bản tệ và chính sách tiền tệ của Việt Nam trước những rủi ro. Vượt qua những trở ngại này là nhiệm vụ trọng tâm đặt ra cho Việt Nam trong những năm tới.

Việt Nam có khát vọng vươn lên nhanh để thoát khỏi tình trạng tụt hậu trong giai đoạn tới. Việt Nam đặt mục tiêu vượt lên ở một số lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực

kinh tế số. Trong 10 -15 năm tới, Việt Nam phấn đấu trở thành nước có thu nhập trung bình cao. Muốn vậy, Việt Nam phải đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong 10 năm tới là 7,5%/năm. Việc thực hiện nhiệm vụ này phải được tích cực khởi động ngay từ năm 2020./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB (2019), *Asian Development Outlook (ADO): Strengthening Disaster Resilience*.
2. Cao Viet Sinh, Gabriel Demombynes, Victoria Kwakwa (2016), *Vietnam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam phối hợp thực hiện.
3. Lee Han Woo, Bùi Thế Cường (2015), *Viet Nam – Hàn Quốc: một phần tư thế kỷ chia sẻ cùng phát triển*, Ho Chi Minh National University Publisher.
4. Nguyễn Quang Thuán (Chủ biên) (2018), *Kinh tế Thế giới và Việt Nam 2017-2018: tạo lập nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững*, Nxb Khoa học xã hội.

5. Nguyễn Quang Thuán (Chủ biên) (2019), *Kinh tế Thế giới và Việt Nam 2018-2019: hướng tới năm 2020 hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm*, Nxb Khoa học xã hội.

6. World Bank (2018), *Điểm lại: Cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam*, Chuyên đề đặc biệt Tạo thuận lợi thương mại bằng cách hợp lý hóa và cải thiện tính minh bạch của các biện pháp phi thuế quan.

7. World Bank (2019), *Taking Stock: cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam*, Chuyên đề đặc biệt: Phát triển du lịch tại Việt Nam nhìn lại từ điểm tới hạn - xu hướng, thách thức và ưu tiên chính sách cho ngành du lịch Việt Nam.

Ngày nhận bài:	10-9-2019
Ngày nhận bản sửa:	20-9-2019
Ngày duyệt đăng:	15-10-2019